

Mục lục

<i>Lời dịch giả</i>	13
<i>Cảm nhận của nhóm dịch thuật Nhân Hòa Y Đạo</i>	17
<i>Lời giới thiệu</i>	21
HƯỚNG VỀ ĐÔNG Y	26
I. Những ai phù hợp học Đông y	27
II. Cảm thụ Đông y từ cuộc sống	29
III. Học Đông y cần nhìn từ chỗ lớn	34
CHƯƠNG I: TỪ GÓC ĐỘ ÂM DƯƠNG NHẬN THỨC VỀ ĐÔNG Y	42
I. Tầm quan trọng của âm dương	43
II. Tính phổ biến của âm dương	44
III. Vận dụng biện chứng âm dương trong lâm sàng	46
CHƯƠNG II: TỪ NGŨ HÀNH NÓI VỀ HỆ THỐNG TRONG ĐÔNG Y	49
I. Thuộc tính ngũ hành của cơ thể	51
II. Vận dụng ngũ hành trên lâm sàng	53
1. Mối liên quan giữa thuộc tính ngũ hành trong cơ thể và bệnh tật	53
2. Mối quan hệ trong ngũ hành	56
CHƯƠNG III: KIM CHÍ NAM TRONG HỌC TẬP ĐÔNG Y	66
I. Quá trình diễn hóa của kim chỉ nam	67
II. Trạng thái âm dương đối lưu trong cơ thể	71
Tầng thứ 1: Quá trình luân chuyển âm dương giữa các tạng phủ	75
Tầng thứ 2: Mối quan hệ giữa khí và huyết	77
Tầng thứ 3: Sự phân chia âm dương của cơ thể người	78
III. Ý nghĩa của đồ hình tuần hoàn âm dương khí huyết của tạng phủ trong cơ thể người	82
CHƯƠNG IV: CHẶNG THỨ NHẤT CỦA HÀNH TRÌNH HỌC TẬP: ĐÔNG DƯỢC	83
I. Như thế nào được coi là thuốc tốt	84
II. Tầm quan trọng của dược tính	87

III. Đặc điểm dùng dược điều trị bệnh liên quan đến tạng can.....	92
3.1. Dùng thuốc khi tạng can sơ tiết thất thường.....	92
3.2. Dùng thuốc khi can khí thăng phát bất thường.....	94
3.3. Thuốc dùng trong trường hợp hàn ngưng can kinh.....	95
3.4. Thuốc dùng trong trường hợp can kinh thấp nhiệt.....	95
IV. Đặc điểm dùng thuốc điều trị bệnh liên quan đến tạng tâm.....	96
4.1. Dùng thuốc trong tâm hỏa cang thịnh.....	96
4.2. Dùng dược trong tâm dương bất chấn.....	97
4.3. Dùng dược trong tâm âm hư.....	98
4.4. Dùng dược trong tâm thần thất dưỡng.....	98
4.5. Dùng dược trong tâm khí hư.....	99
4.6. Dùng dược khi huyết mạch ứ trở.....	99
V. Đặc điểm dùng thuốc điều trị bệnh liên quan đến vị.....	100
5.1. Dùng thuốc khi vị khí thượng nghịch.....	100
5.2. Thuốc điều trị vị hàn.....	102
5.3. Dùng thuốc trị vị nhiệt.....	102
5.4. Dùng thuốc trị vị âm bất túc.....	103
5.5. Dùng thuốc trị chứng hàn nhiệt thác tạp.....	103
5.6. Dùng thuốc trị tích thực.....	104
VI. Đặc điểm dùng dược liên quan đến bệnh đờm.....	104
6.1. Dùng dược trị đờm khí uất kết.....	106
6.2. Dùng dược trị đờm uất hóa hỏa.....	106
6.3. Dùng dược trị viêm túi mật.....	107
6.4. Dùng dược trị sỏi túi mật.....	107
VII. Đặc điểm dùng thuốc các bệnh liên quan đến tiểu trường.....	108
VIII. Đặc điểm dùng thuốc của các bệnh liên quan đến thận.....	110
8.1. Thuốc dùng cho thận âm hư.....	111
8.2. Thuốc dùng cho thận dương hư.....	111
8.3. Thuốc dùng cho thận tinh khuỵ.....	111
IX. Đặc điểm dùng thuốc các bệnh liên quan đến tỳ.....	118
9.1. Thuốc dùng cho tỳ dương hư.....	118
9.2. Thuốc dùng cho tỳ khí uất trệ.....	118
9.3. Thuốc dùng cho tỳ khí uất trệ hóa hỏa.....	119
X. Đặc điểm dùng thuốc các bệnh liên quan đến phế.....	120
10.1. Thuốc dùng cho phế khí bất túc.....	120
10.2. Thuốc dùng cho phế tuyên phát túc giáng bất thường.....	120
10.3. Thuốc dùng cho phế thụ ngoại tà.....	121

XI. Đặc điểm dùng thuốc của các bệnh liên quan đến tam tiêu.....	122
XII. Đặc điểm dùng thuốc các bệnh liên quan đến bàng quang	125
12.1. Dùng dược cho bất thường trong chức năng chứa đựng nước tiểu của bàng quang.....	125
12.2. Dùng dược cho bất thường trong chức năng bài tiết nước tiểu của bàng quang.....	126
XIII. Những thuốc thường dùng để dẫn kinh báo sứ	129
XIV. Đạo chơi các "danh thắng" của Đông dược	131

CHƯƠNG V: CHẶNG THỨ HAI CỦA HÀNH TRÌNH HỌC TẬP: PHƯƠNG DƯỢC..... 137

Tổ phương thứ 1: Nhị chí hoàn.....	139
Tổ phương thứ 2: Nhị diệu tán.....	140
Tổ phương thứ 3: Trạch tả thang.....	141
Tổ phương thứ 4: Lục vị địa hoàng hoàn	142
Tổ phương thứ 5: Ô mai hoàn	144
Tổ phương thứ 6: Tiêu dao hoàn	146
Tổ phương thứ 7: Tiểu sài hồ thang.....	149
Tổ phương thứ 8: Qua lâu giới bạch bạch tửu thang	153
Tổ phương thứ 9: Chích cam thảo thang.....	155
Tổ phương thứ 10: Đan sâm bình lang ẩm.....	158
Tổ phương thứ 11: Tiểu bán hạ thang	159
Tổ phương thứ 12: Bán hạ tả tâm thang	160
Tổ phương thứ 13: Đại thừa khí thang	162
Tổ phương thứ 14: Ôn đởm thang.....	164
Tổ phương thứ 15: Tứ nghịch tán	165
Tổ phương thứ 16: Phụ tử lý trung hoàn	169
Tổ phương thứ 17: Mạch môn đông thang	170
Tổ phương thứ 18: Ma hoàng thang	172
Tổ phương thứ 19: Quế chi thang	175
Tổ phương thứ 20: Cát căn thang.....	178
Tổ phương thứ 21: Chỉ xác Cát cánh thang.....	180
Tổ phương thứ 22: Chỉ truật thang	181

CHƯƠNG VI: CHẶNG THỨ BA CỦA HÀNH TRÌNH HỌC TẬP: TỨ CHẨN..... 185

I. Bộ vị chính cần nắm rõ khi bắt mạch	188
1. Tay trái.....	188
2. Tay phải	188
II. Những điều cần nắm rõ khi bắt mạch.....	189

III. Những kỹ năng cơ bản cần huấn luyện để bắt mạch.....	190
IV. Mạch đứng đầu của mạch tượng - Uất mạch	192
V. Bắt mạch giống như bắt trộm.....	194
VI. Mô tả mạch tượng thường gặp.....	199
VII. Lý giải bát cương mạch	200
VIII. Bắt mạch như gảy đàn	202
IX. Lý giải mạch tượng của người bình thường	204
X. Một số mạch tượng đặc trưng (Lấy từ Mạch kinh)	205
XI. Miêu tả mạch tượng	209
XII. Vọng hình thể.....	215
XIII. Vọng tư thế.....	215
XIV. Vọng mặt.....	215
XV. Vọng môi	218
XVI. Vọng móng tay.....	218
XVII. Vọng vân tay	219
XVIII. Vọng lưỡi.....	220
XIX. Vọng tóc	224
XX. Nghe tiếng	224
XXI. Ngửi mùi	224
XXII. Vấn chẩn.....	226

CHƯƠNG VII: CHẶNG THỨ TƯ CỦA HÀNH TRÌNH HỌC TẬP: BỆNH CƠ..... 228

Điều thứ 1: Chư phong điều huyễn, giai thuộc vu can.....	233
Điều thứ 2: Chư hàn thu dẫn, giai thuộc vu thận	235
Điều thứ 3: Chư khí phản uất, giai thuộc vu phế.....	237
Điều thứ 4: Chư thấp thũng mãn, giai thuộc vu tỳ.....	238
Điều thứ 5: Chư thống dạng sang, giai thuộc vu tâm (hỏa)	239
Điều thứ 6: Chư nuy suyễn ẩu, giai thuộc vu thượng.....	245
Điều thứ 7: Chư quyết cố tiết, giai thuộc vu hạ	246
Điều thứ 8: Chư bạo cường trực, giai thuộc vu phong	248
Điều thứ 9: Chư bệnh thủy dịch, trừng triệt thanh lãnh, giai thuộc vu hàn.....	250
Điều thứ 10: Chư kinh hạng cường, giai thuộc vu thấp	251
Điều thứ 11: Chư nhiệt mậu khế, giai thuộc vu hỏa (tâm)	255
Điều thứ 12: Chư cấm cổ lật, như tang thần thủ, giai thuộc vu hỏa	256
Điều thứ 13: Chư bệnh phụ thũng, đông toan kinh hã, giai thuộc vu hỏa.....	257
Điều thứ 14: Chư nghịch xung thượng, giai thuộc vu hỏa	258
Điều thứ 15: Chư táo cuồng việt, giai thuộc vu hỏa.....	259

Điều thứ 16: Chư trưởng phúc đại, giai thuộc vu nhiệt.....	260
Điều thứ 17: Chư bệnh hữu thanh, cổ chi như cổ, giai thuộc vu nhiệt	260
Điều thứ 18: Chư chuyển phản liệt, thủy dịch hỗn trọc, giai thuộc vu nhiệt	261
Điều thứ 19: Chư ẩu thổ toan, bạo chú hạ bách, giai thuộc vu nhiệt	262
Điều thứ 20: Chư khiếu can sáp, can khái thiếu đàm, bì mao bất nhuận, giai thuộc vu táo	265
Điều thứ 21: Chư bệnh thấp nhiệt, giai dương thất vu thăng.....	266
Điều thứ 22: Chư phủ khí nghịch, giai khí thất vu giáng	267
Điều thứ 23: Chư chứng đối lập, âm dương thác tạp, giai thất vu hòa	268
Điều thứ 24: Chư đàm quái bệnh, giai thuộc vu tỳ thận.....	269
Điều thứ 25: Chư mạch bất thông, thống như châm thích, giai thuộc vu ứ	276

CHƯƠNG VIII: CHẶNG THỨ NĂM CỦA HÀNH TRÌNH HỌC TẬP: TRỊ PHÁP..... 278

I. Vận dụng trị pháp trong thủ chính xuất kì	279
II. Tám pháp chữa bệnh	284
<i>Pháp thứ 1: Hãn pháp</i>	285
<i>Pháp thứ 2: Thổ pháp</i>	288
<i>Pháp thứ 3: Hạ pháp</i>	291
<i>Pháp thứ 4: Tiêu pháp</i>	294
<i>Pháp thứ 5: Hòa pháp</i>	298
<i>Pháp thứ 6: Ôn pháp</i>	301
<i>Pháp thứ 7: Thanh pháp</i>	304
<i>Pháp thứ 8: Bổ pháp</i>	306

CHƯƠNG IX: CHẶNG THỨ SÁU CỦA HÀNH TRÌNH HỌC TẬP: Y LÝ..... 311

I. Vấn đề liều lượng lớn nhỏ trong dùng thuốc.....	313
II. Ý nghĩa của đồ hình tuần hoàn âm dương khí huyết của tạng phủ trong cơ thể	313
1. Thận là gốc của con người	315
2. Can	319
3. Tỳ.....	322
III. Điều trị bệnh nội thương	325
IV. Sự truyền biến của bệnh ngoại cảm.....	327
V. Hữu vô tương sinh, nan dị tương thành	337
VI. Đạo sinh nhất, nhất sinh nhị, nhị sinh tam	341
VII. Nhân pháp địa, địa pháp thiên, thiên pháp đạo, đạo pháp tự nhiên.....	344

CHƯƠNG X: CHẶNG THỨ BẢY CỦA HÀNH TRÌNH HỌC TẬP: LÂM SÀNG 346

I. Điều trị bệnh chảy nước mắt.....	347
II. Thuốc là con dao hai lưỡi, trị bệnh chính là điều chỉnh thiên lệch, chính là ngăn chặn thể bệnh	350
III. Điều trị Ngũ dịch thất điều	355
IV. Điều trị bệnh của vị.....	361
V. Điều trị đau răng.....	365
VI. Điều trị hôi miệng	366
VII. Điều trị viêm họng và viêm thực quản.....	368
VIII. Điều trị viêm túi mật	371
IX. Điều trị các bệnh liên quan đến Tiểu trường	379
X. Điều trị cam tích	384
XI. Điều trị đau nhức vùng vai lưng.....	385
XII. Điều trị táo bón	388
XIII. Điều trị bệnh trĩ.....	389
XIV. Tạng can sơ tiết thất thường và hình thành sỏi thận	392
XV. Bệnh cơ và điều trị suy giảm chức năng sinh lý.....	395
XVI. Điều trị tiêu chảy ở trẻ em	397
XVII. Điều trị hen suyễn	399
XVIII. Điều trị bệnh về da.....	402

CHƯƠNG XI: CHẶNG THỨ TÁM CỦA HÀNH TRÌNH HỌC TẬP: Y ÁN 407

Y án 1: Cảm mạo nặng.....	409
Y án 2: Chảy nước mắt khi gặp gió.....	411
Y án 3: Xuất huyết dưới kết mạc	413
Y án 4: Co thắt ruột.....	415
Y án 5: Rôm sảy	416
Y án 6: Ngứa mũi.....	417
Y án 7: Đau thắt lưng vào sáng sớm	418
Y án 8: Tiêu chảy ở trẻ em.....	420
Y án 9: Lao động vất vả làm tổn thương cơ lưng.....	421
Y án 10: Chứng tăng sản tuyến vú	422
Y án 11: Bế kinh	424
Y án 12: Thống kinh.....	426
Y án 13: Băng lậu	428

Y án 14: U nang buồng trứng	430
Y án 15: Thiếu sữa sau sinh.....	431
Y án 16: Rụng tóc tiết bã nhờn	432
Y án 17: Bạch điển phong (bệnh bạch biến)	434
Y án 18: U mỡ.....	436
Y án 19: Ngứa da	437
Y án 20: Nám da (khí huyết hư thiếu)	441
Y án 21: Nám da (ban nám do thận).....	442
Y án 22: Viêm da do ánh nắng mặt trời.....	443
Y án 23: Đan độc.....	445
Y án 24: Thấp chân mạn tính	446
Y án 25: Bệnh cột sống cổ.....	447
Y án 26: Đau vai lưng.....	450
Y án 27: Viêm quanh khớp vai	453
Y án 28: Loét miệng	454
Y án 29: Sẹo.....	456
Y án 30: Viêm mũi mạn tính	457
Y án 31: Viêm bàng quang mạn tính	459
Y án 32: Liệt mắt	461
Y án 33: Ngực trái phát nóng	462
Y án 34: Bệnh tiểu đường	464
Y án 35: Đau đầu mặt đỏ	466
Y án 36: Sốt	467
Y án 37: Đau gót chân	469
Y án 38: Mệt mỏi	470
Y án 39: Vết thương do kiến đốt cắn	472
Y án 40: Suy giảm sinh lý.....	473
Y án 41: Nấc cụt lâu ngày	474
Y án 42: Suy dinh dưỡng ở trẻ em.....	476
Y án 43: Mất tiếng	477
Y án 44: Chứng Mổ hôi cổ	479
Y án 45: Thủy thũng (Chứng phù).....	480
Y án 46: Chứng phế thực tỳ hư khí hãm.....	482
Y án 47: Tâm quý (Tim nhanh).....	484
Y án 48: Viêm phổi do xạ trị.....	486

Y án 49: Mất ngủ kinh niên.....	488
Y án 50: Đau ngực phải.....	490
Y án 51: Sả khí do tổn thương vì va đập.....	491

CHƯƠNG XII: CHẶNG THỨ CHÍN CỦA HÀNH TRÌNH HỌC TẬP:

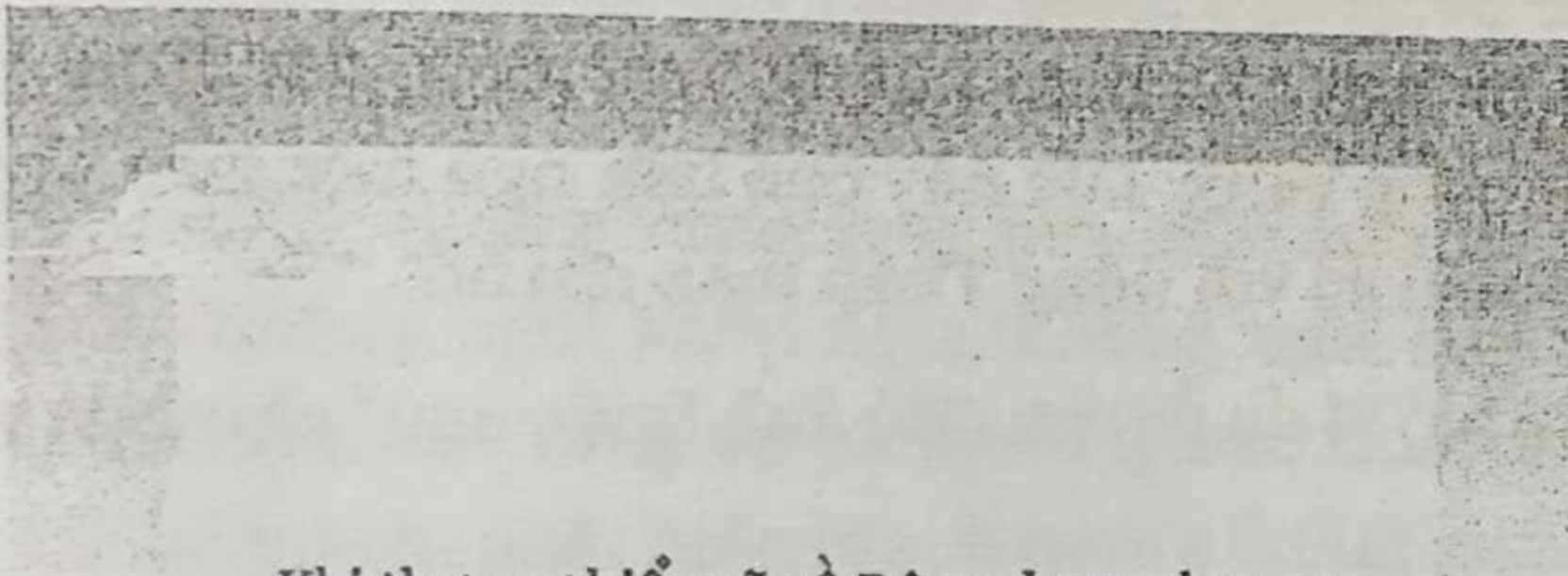
THỰC HÀNH VÀ KIÊN TRÌ.....	494
-----------------------------------	------------

CHƯƠNG XIII: CHẶNG THỨ MƯỜI CỦA HÀNH TRÌNH HỌC TẬP: CẢM NGỘ..... 500

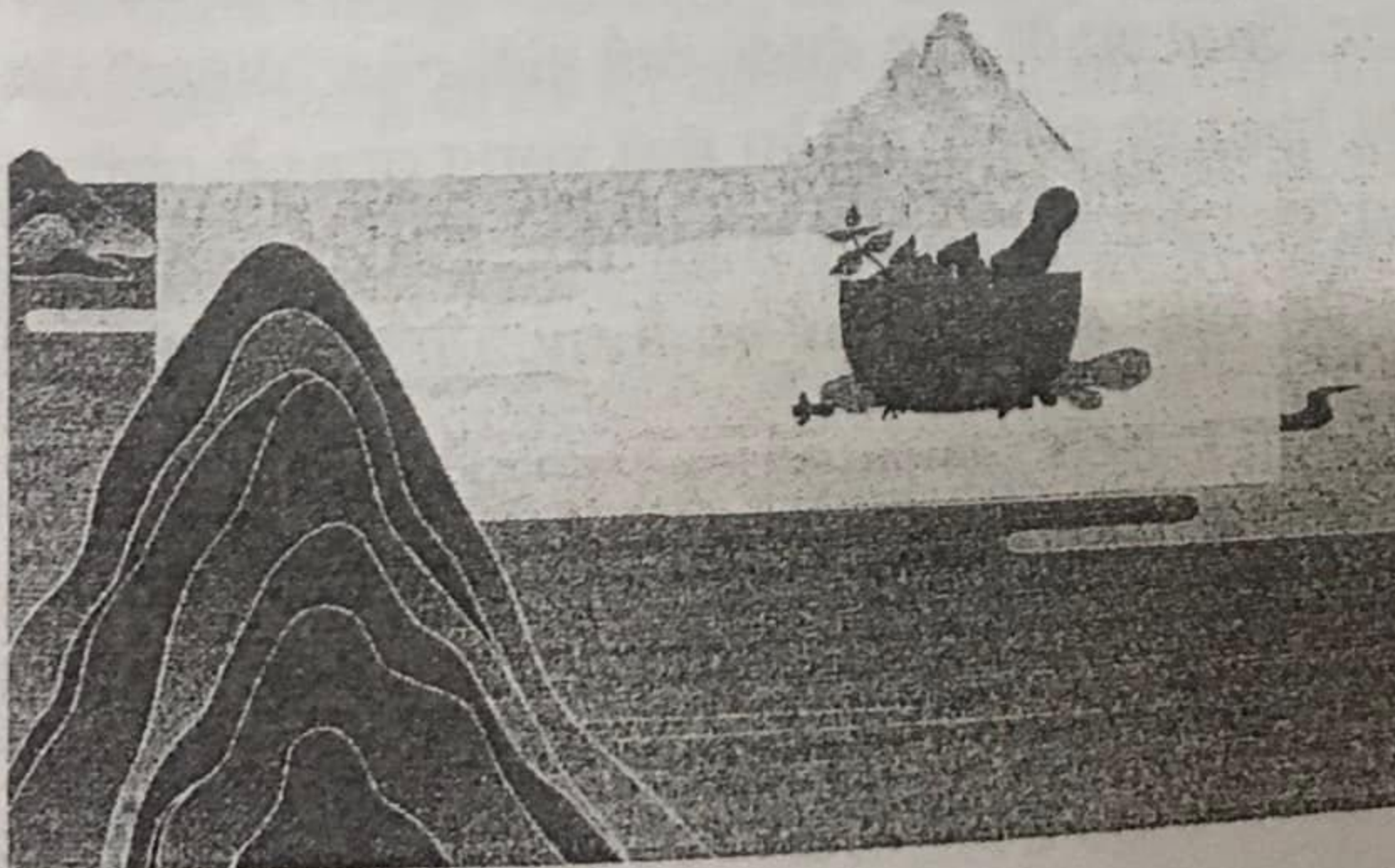


CHƯƠNG IV

Chặng thứ nhất của hành trình học tập: Đông dược



Khi thực sự hiểu rõ về Đông dược, thực sự đi vào thế giới của “dược”, chúng ta sẽ phát hiện ra, rất nhiều thứ ở xung quanh mình, chỉ cần thuận tay cầm lấy đều là dược liệu. Chỉ cần chúng ta sử dụng đúng, có thể biến những thứ vô dụng nhất thành thứ hữu dụng thần kỳ.



Thình thoảng có người bệnh nói với tôi rằng: “Đại phu à, cho tôi thuốc tốt một chút để bệnh của tôi mau khỏi đi!” Vậy như thế nào mới được coi là thuốc tốt? Nhân sâm là thuốc đại bổ vậy có tốt không? Lộc nhung đắt vậy có được coi là thuốc tốt hay không?

Thật ra không hoàn toàn như vậy!

Nếu như bạn bị đói, một ngày không được ăn cơm, xuất hiện hoa mắt chóng mặt, tay chân lạnh ngắt. Lúc này, thuốc tốt nhất với bạn chính là đồ ăn. Để bạn ăn một bữa cơm no, còn tốt hơn nhiều so với uống canh nhân sâm ấy chứ! Nếu như bạn liên tiếp ba ngày ba đêm không nghỉ ngơi, đau lưng mỏi gối, đầu óc choáng váng. Lúc này cho bạn ngủ một giấc ngon lành tốt hơn nhiều so với uống Thập toàn đại bổ!

Trong hai ví dụ ở trên, “đồ ăn”, “giấc ngủ” chính là vị thuốc tốt nhất!

Tùy vào tình trạng người bệnh, tìm được ra căn nguyên gây bệnh và đưa ra phương pháp điều trị đúng với căn nguyên chính là chữa bệnh từ bản chất (câu bản). Dùng được để điều trị tận gốc, thì sẽ đạt được hiệu quả thần kỳ, vậy đó là thuốc tốt.

I. Như thế nào được coi là thuốc tốt

Thuốc không phân theo giá đắt rẻ, mà thuốc dùng đúng với chứng chính là thuốc tốt nhất. Khi chúng ta thực sự hiểu rõ về Đông dược, thực sự đi vào được thế giới của “dược” thì chúng ta sẽ phát hiện ra có rất nhiều thứ xung quanh chúng ta, chỉ cần thuận tay cầm lấy đều là dược liệu. Chỉ cần chúng ta dùng đúng, có thể biến những thứ vô dụng nhất trở nên hữu dụng thần kỳ.

Buổi tối của mấy tháng trước, có một bà cụ đến tìm tôi, kể lại rằng bị chóng mặt dữ dội. Kiểm tra phát hiện huyết áp cao, mạch tượng tả hữu đều thể thượng việp, tức là khí huyết đều đi lên. Nếu tâm trạng người bệnh bức bối cáu gắt, thì huyết áp sẽ

tiếp tục càng tăng cao, rất có thể sẽ xuất hiện xuất huyết não. Bệnh cơ của người bệnh do hạ tiêu phần âm không đủ, không thể tiềm dương dẫn đến hư dương thượng viêt. Lúc này đã là hơn 11 giờ đêm, nếu sắc thuốc để dùng sợ không kịp, mà thuốc giảm huyết áp người bệnh vẫn sử dụng đều đặn hàng ngày. Vì thế yêu cầu người bệnh trở về nhà, lấy tỏi sau khi giã nát đắp vào huyết Dũng tuyến hai bên, đắp khoảng một tiếng.

Ngày thứ hai người bệnh đã đến cảm ơn. Bà ấy nói với tôi, đêm hôm trước sau khi đắp tỏi được một lúc thì cảm thấy đầu óc tỉnh táo hơn, chân cũng có lực hơn. Đắp được một tiếng thì đầu đã không còn choáng váng nữa, không nữa bỏ tỏi ra nên để vậy đi ngủ luôn. Buổi sáng ngủ dậy cảm thấy trong người hoàn toàn khỏe khoắn, nhưng trong lòng bàn chân lại xuất hiện bọc nước. Bà ấy không ngớt khen ngợi, không nghĩ đến tôi lại có tác dụng tốt như vậy. Tôi giúp bà ấy xử lý bọc nước dưới chân, sau đó bắt lại mạch, phát hiện mạch tượng lưỡng xích tuy rằng không mạnh nhưng đã có lực hơn, thế mạch thượng viêt đã biến mất.

***Lời khuyên cho hành trình:** Thế nào là mạch tượng thượng viêt?
Ở phần sau khi giảng đến mạch chẩn tôi sẽ nói rõ ràng tỉ mỉ hơn.*

Bàn về ví dụ này chỉ muốn nói rõ ràng rằng, cần chú ý đến từng chiếc lá, bông hoa, từng cái cây, ngọn cỏ, vì chúng đều có những đặc tính riêng, vận dụng tốt chúng, thuận tay nhật lấy, đều có thể dễ dàng điều trị bệnh, giống như cao thủ võ lâm trong tiểu thuyết kiếm hiệp, chỉ cần nhật hoa bẻ lá đều có thể giết người. Học y đến một cảnh giới nhất định cũng có thể nhật hoa bẻ lá mà vô hình chung có thể cứu người. Câu chuyện danh y Diệp Thiên Sỹ dùng ba lá ngô đồng cứu được hai mạng người chính là ví dụ điển hình.

Vào thời nhà Thanh, dưới đời vua Càn Long, vị danh y người Giang Nam tên là Diệp Thiên Sỹ đang viết y án tại nhà,

chợt nghe có người đến thỉnh cầu cứu chữa cho một sản phụ khó sinh, Diệp Thiên Sỹ không suy nghĩ gì lập tức đi đến đó. Dọc đường nghe người nhà bệnh nhân nói rằng đã mời Tiết Sinh Bạch cùng phái Ôn bệnh với ông qua chẩn bệnh, nhưng sản phụ vẫn không sinh được. Tiết Sinh Bạch là đồng hương láng giềng với Diệp Thiên Sỹ, y thuật của ông ấy cùng với Diệp Thiên Sỹ đều nổi tiếng ở đất Giang Nam, chỉ có điều là tuổi đời còn trẻ hơn. Diệp Thiên Sỹ mười phần lo lắng, Tiết Sinh Bạch chẩn bệnh cũng rất giỏi, vậy tại sao lại không thấy hiệu quả nhỉ? Khi Diệp Thiên Sỹ đến nhà người bệnh chỉ thấy sản phụ đang thoi thóp, hơi thở yếu ớt. Tiết Sinh Bạch sau khi chẩn đoán là do sản phụ khí huyết đều hư nên không có sức rặn thai ra, khí huyết đình trệ không vận hành, xương chậu không mở. Đơn thuốc ông ấy kê để song bổ khí huyết, hành trệ hoạt huyết, thúc sinh hạ thai làm chủ. Diệp Thiên Sỹ tiếp nhận đơn thuốc rồi nhìn một lượt, thấy rằng phương này rất tốt, nhưng khó điều trị được bệnh này của người bệnh. Vì thiếu mất thuốc đồng khí, làm thế nào để có thể đưa các vị thuốc này đến nơi bị bệnh đây? Lúc này là mùa thu, nhìn bên ngoài khung cửa lá ngô đồng rơi rụng, Diệp Thiên Sỹ dường như ngộ ra. Ông lập tức đem thuốc dẫn trong nguyên phương là “Trúc điệp ba lá” đổi thành “Đồng điệp ba lá”. Sản phụ vâng lời uống thuốc, không ngoài dự tính của Diệp Thiên Sỹ, không lâu sau đó đứa trẻ được sinh ra thuận lợi một cách thần kỳ, người nhà báo tin mẹ tròn con vuông!

Chuyện này truyền đến tai Tiết Sinh Bạch, ông không cho là đúng, cho rằng Diệp Thiên Sỹ chẳng qua vô tình gặp may mà thôi. Diệp Thiên Sỹ nghe vậy liền viết một bức thư gửi cho Tiết Sinh Bạch, trong thư viết một bài thơ:

Hữu nhân vô châu phúc trung bảo

Hà hoa xuất thủy hỉ tương phùng

Ngô đồng lạc điệp phân li biệt

Ân ái phu thê bất đảo đông.

Thu phân chi thời,

Ngô đồng điệp lạc,

Đồng khí tương cầu,

Thai nhi lập hạ...

Sau khi Tiết Sinh Bạch đọc xong lá thư, liền tỉnh ngộ, cảm thấy Diệp Thiên Sỹ là người học rộng tài cao, vô cùng thần phục, tự cảm thấy hổ thẹn vì thua kém.

Diệp Thiên Sỹ chẩn bệnh đúng ngày Thu phân, là tiết khí mà hàn thử tảo thấp đang chuyển giao, lá ngô đồng rơi rụng nhiều, con người với tự nhiên có sự tương ứng, đồng khí tương cầu. Do vậy từ nguyên phương của Tiết Sinh Bạch gia thêm lá ngô đồng nhằm cầu khí, dẫn các vị thuốc đến nơi bị bệnh, quả chín thì cuống rụng, hạt ngô đồng chín thì lá rụng, lấy lý này hợp vào phương làm một, do vậy hiệu quả dụng được mới nhanh như vừa đánh trống đã nghe thấy tiếng. Không lâu sau, câu chuyện “Diệp Thiên Sỹ dùng ba lá ngô đồng cứu hai mạng người” được lan truyền đi khắp vùng đất Giang Nam.

II. Tâm quan trọng của dược tính

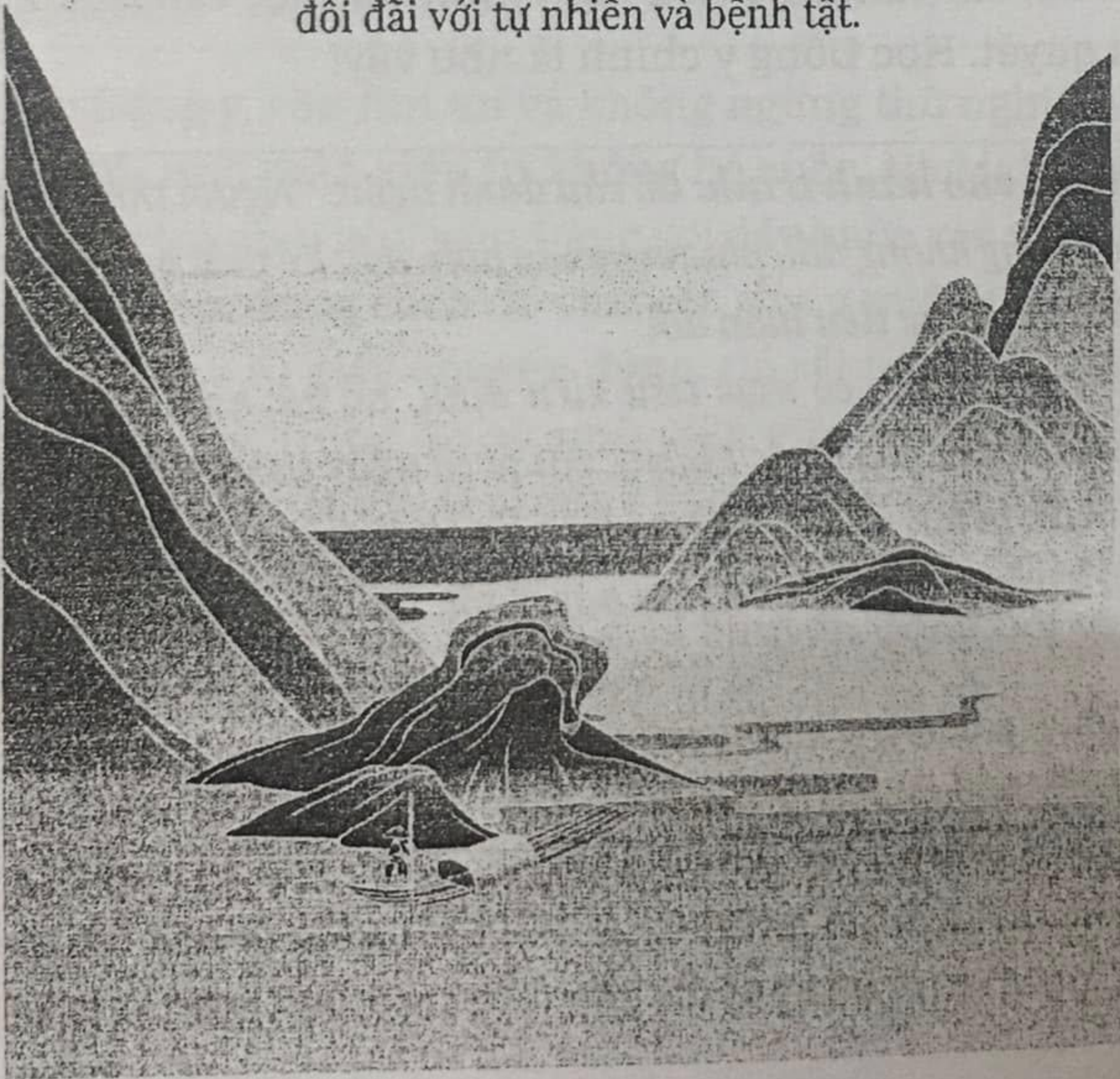
Dược tính gồm có hàn nhiệt ôn lương, thăng giáng phù trầm, nếu không hiểu được dược tính thì khi kê phương chỉ là đang chồng chéo các tác dụng thuốc lên nhau, khó đạt được hiệu quả. Trong bệnh án trước sử dụng tởi chính là dùng tính năng dẫn khí huyết hạ hành của nó. Khí huyết hạ hành rồi thì bệnh sẽ khỏi. Dược học hiện đại nghiên cứu được, thích nghiên cứu từ thành phần dược, tởi chứa allicin có thể kháng khuẩn tiêu viêm, có thể làm mềm mạch máu, thậm chí có thể kháng ung thư, nhưng không làm cách nào nghiên cứu ra tởi có thể dẫn khí huyết hạ hành như thế này. Tại sao lại như vậy? Cái này là thiên tính vốn có của nó!



CHƯƠNG XIII

Chặng thứ mười của hành trình học tập: Cảm ngộ

Chỉ cần chúng ta sống ở trên đời này, sẽ luôn có nhiều điều để học, đây chính là một thái độ sống, một thái độ khiêm tốn đối đãi với tự nhiên và bệnh tật.



Tuy rằng trong cuốn sách này, chẳng đường học tập Đông y của chúng ta sắp kết thúc, nhưng học Đông y sẽ không bao giờ ngừng lại. Giống như chương 1 chúng ta đã nói, học Đông y chính là cảm nhận thế giới xung quanh mình, học Đông y chính là nhìn vào bên trong cơ thể, từ nguyên thủy, từ bản chất cảm nhận thế giới, đây chính là những gì chúng ta cần học, chỉ cần chúng ta còn sống trên đời này, sẽ luôn có nhiều điều để học, đây là một thái độ sống, một thái độ khiêm tốn đối đãi với tự nhiên và bệnh tật.

Mượn lời trong một đoạn của cuốn *Đại trường kim*, chúng ta chia sẻ “thái độ khiêm tốn”.

“Giữa những thầy thuốc, không có danh y, chỉ có thái độ khiêm tốn đối đãi với bệnh tật. Không phải cứ người thông minh là nhất định có thể làm được thầy thuốc, thầy thuốc cần có sự đĩnh đạc. Mỗi loại dược liệu đều có hiệu quả khác nhau, dựa vào sự khác nhau của bệnh tình để chữa bệnh, gọi là thuốc chữa bệnh, chẳng may chẩn đoán sai, sử dụng không đúng, thì sẽ trở thành độc. Cùng một loại thuốc, có thể cứu một mạng người, cũng có thể đưa người ta vào chỗ chết, vì vậy thầy thuốc tuyệt đối không thể ngu muội, cũng không thể không dám sai bất cứ điều gì. Tự mãn sẽ khiến thầy thuốc phán đoán vội vàng, quyết định của người thầy thuốc thường sẽ chi phối sinh mệnh của người bệnh. Không có danh y! Cần trở thành một người thầy thuốc khiêm tốn với bệnh chứng, hoàn toàn hiểu bệnh chứng; Cần trở thành một người thầy thuốc khiêm tốn với con người, hoàn toàn nhìn rõ con người; Cần làm một thầy thuốc khiêm tốn với tự nhiên, hoàn toàn hiểu rõ tự nhiên; đây chính là thái độ đúng đắn.”

Đứng trước tự nhiên, con người thực sự quá nhỏ bé. Những gì chúng ta biết về thế giới vô cùng hữu hạn, nhận thức của chúng ta về Đông y cũng không hoàn toàn đầy đủ, vì vậy trong quá trình học Đông y, không bao giờ được tự mãn, cần luôn giữ được thái độ khiêm tốn nhìn nhận thế giới xung quanh

chúng ta, mãi mãi phải giữ được một trái tim ham học hỏi đi khám phá thế giới này, chỉ có như vậy, nguồn gốc tri thức của chúng ta mới không bao giờ cạn!

Sau khi chúng ta nắm được những thứ có tính quy luật, chúng ta cần không ngừng học tập trong cuộc sống, từ trong cuộc sống cảm ngộ đạo lý nhân sinh, cảm ngộ Đông y chi đạo.

Cũng giống như trong một cuốn sách khác của tôi tên là *Nhận thức bệnh từ những điều nhỏ nhất trong cuộc sống* có nói đến, chúng ta cần từ các chi tiết nhỏ trong cuộc sống xung quanh cảm nhận chân lý của Đông y! Thực tế chỉ cần chúng ta dùng trái tim đi cảm ngộ cuộc sống, chúng ta có thể học được rất nhiều từ cuộc sống.

Mùa đông treo lên chiếc khăn mặt ướt, nước sẽ tự chảy xuống dưới, nửa trên khô trước, nửa dưới ngược lại càng ướt hơn, thêm vào đó do thời tiết lạnh, thời gian dài, nửa dưới dần dần sẽ đóng băng v.v. Nhìn vào nửa dưới đã đóng băng của chiếc khăn ướt này, chúng ta có thể nghĩ đến “tính của thấp là đi xuống” không!

Trong lâm sàng bệnh nhân thường nói: “Bác sĩ ơi! Mỗi ngày tôi leo cầu thang thì hai chân như nhét đầy chì, nặng nề khôn tả, là sao hả bác sĩ?” Thực ra, cơ thể giống như chiếc khăn bông, ban ngày đứng lâu, thấp khí sẽ hướng xuống, vì vậy thấp tà ở hai chân sẽ nặng hơn. Người mà bên trong có chút thấp tà, sẽ cảm thấy hai chân mệt mỏi; nếu như bệnh nhân thấp tà rất nặng, biểu hiện sẽ là “hai chân giống như đeo chì, nặng nề khôn tả” v.v.

Nếu như nhiệt độ cao một chút, thì đầu dưới của khăn sẽ khô nhanh hơn, sẽ không đóng băng vào buổi tối!

Trong cơ thể, nếu như thận dương đầy đủ, không bị khuy hư, hoặc khuy hư không nặng, thì thấp tà phần nửa dưới cơ thể sẽ bị thận dương làm nóng bay hơi, hóa thành khí đi lên trên, tuần hoàn trong cơ thể; nếu như thận dương khuy hư, thì sẽ giống như mùa đông treo khăn bông ướt vậy, thấp tà chiếm cứ

hạ tiêu! Tự nhiên “hai chân giống như đeo chì, nặng nề khôn tả” mà thôi!

Ban đêm nằm trên giường, điểm thấp nhất của cơ thể không còn là hai chân nữa, mà là bộ phận tiếp xúc với giường. Dựa theo “thấp tính đi xuống”, thì bộ phận tiếp xúc với giường sẽ vô cùng khó chịu!

Thực tế khi chúng ta hỏi người bệnh một cách chi tiết, chúng ta sẽ phát hiện tình hình đúng là như vậy, những người này thường bắt đầu xuất hiện cảm giác đau lưng vào sau nửa đêm, chỉ cần chỗ nào tiếp xúc với giường đều cảm thấy đau, buổi sáng 5 - 6 giờ tỉnh vì đau, ra khỏi giường hoạt động một hồi thì đỡ v.v. Thực ra đây chính là kết quả do thấp tà ban ngày tích dưới chân, đêm đến lại chảy về bộ phận tiếp xúc với giường mà ra. Chính là “thấp tính đi xuống” đây! Nhìn vào “khăn ướt”, nghĩ đến “thấp tính đi xuống”, nghĩ đến “chính khí bất túc”, nghĩ đến “tỳ thận dương hư”...

Như vậy chữa bệnh sẽ dễ dàng hơn rất nhiều.

Bệnh nhân họ Phạm, nữ, 40 tuổi, nhân viên nhà ăn khách sạn.

Một tuần nay cảm thấy hai chân nặng nề, buổi sáng bệnh nhẹ hơn, đến chiều trở nặng, mỗi tối tan làm về nhà, khi leo cầu thang hai chân như đeo thêm chì, nặng nề bất thường, cũng không thấy chân bị phù, nghỉ ngơi sau một đêm thì bệnh có đỡ. Đến bệnh viện tuyến đầu của vùng khám, họ kiến nghị chụp CT hộp sọ, bệnh nhân chê chi phí quá đắt nên bỏ chụp chiếu, tìm đến Đông y điều trị. Bệnh sử và triệu chứng như trên, gốc lưỡi rêu trắng dày, mạch hữu xích trầm trì mà nhược, tả xích trầm hoạt.

Kết hợp đạo lý của khăn ướt, kê đơn như sau:

Ô phụ phiên 20g (sắc trước 1 tiếng), sao bạch truật 20g, phục linh 30g, can khương 20g, đậu đen 30g, cam thảo 10g, 3 thang, sắc lấy nước, ngày 1 thang.